

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 94/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2019.

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Thức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông: Nguyễn Chí Lin.

- Bà: Trương Thị Kim Tiến:

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 30/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 380/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2019 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1984.

2. *Bị đơn:* Ông Phòng Hữu T, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Khu vực A, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà T có mặt, ông T vắng mặt tại buổi tuyên án).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 03/4/2019 và những lời khai tiếp theo, bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày:

Bà và ông Phòng Hữu T chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Đ, Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bà T cho rằng do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan

điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ông T thường hay ghen tuông vô cớ nên nhiều lần đánh đập bà. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn.

*Về con chung:* Bà T khai bà và ông T có 02 con chung là các cháu Phòng Quốc B, sinh năm 2004 và Phòng Quốc V, sinh năm 2009. Hiện con đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Trí cấp dưỡng.

*Về tài sản chung:* Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Bà T khai không có.

***Tại bản tự khai và tại phiên tòa, ông Phòng Hữu T trình bày:***

Ông thống nhất với ý kiến và lời trình bày của bà T về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Ông cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, vợ chồng sống vẫn hạnh phúc, ông cho rằng bà T có quan hệ người người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, có đôi lần ông đánh bà T nhưng ông khẳng định vẫn còn thương vợ, con và tha thiết xin hàn gắn, đoàn tụ.

*Về tài sản chung:* Ông T thống nhất tự thỏa thuận

*Về nợ chung:* Ông T không thất khai không có.

Tòa án tiến hành hòa giải do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không bổ sung ý kiến gì thêm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***1. Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án,***

Bà Nguyễn Thị Bạch T xin ly hôn với ông Phòng Hữu T. Anh T hiện đang cư trú tại khu phố A, thị trấn B, huyện Đ, Long An. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

***2. Về nội dung:***

***[2.1] Quan hệ hôn nhân,***

Bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Phòng Hữu T chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Trước tòa, bà T xác định đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết xin ly hôn với ông T. Ông Phòng Hữu T không đồng ý ly hôn và tha thiết xin đoàn tụ.

Xét thấy, theo như lời trình bày của đương sự thấy rằng nguyên nhân mâu thuẫn các bên trình bày là không giống nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng là có thật. Tại phiên tòa, các đương sự cũng không có thiện chí để hàn gắn. Cuối phần tranh luận thì ông T tự ý bỏ về. Điều này chứng tỏ ông T cũng không có thiện chí, không đưa ra giải pháp nào để hàn gắn trong khi bà T cương quyết xin ly hôn.

Từ những phân tích trên, thấy rằng cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông T không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà T xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T đều thống nhất khai có 02 là các cháu Phòng Quốc B, sinh năm 2004 và Phòng Quốc V, sinh năm 2009. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, các cháu B và cháu V đều đã đủ 07 tuổi, tại các bản tự khai cả hai cháu đều có nguyện vọng sống với bà T khi ch, mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu B và cháu V cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự thống nhất khai không có.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bạch T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 35, 63, 146, 222, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

### ***Tuyên xử:***

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bạch T được ly hôn với ông Phòng Hữu T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bạch T được quyền trực tiếp nuôi con chung là các cháu Quốc Quốc B, sinh ngày 02/7/2004 và Phòng Quốc V, sinh ngày 14/5/2009.

Ông Phòng Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Nguyễn Thị Bạch T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bạch T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004454 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại buổi tuyên án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND TT Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Công Thức**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Chí Lin - Nguyễn Văn Ghên**

**Văn Công Thức**

